

Số: **332** /TB-BVĐKTD

Tân Định, ngày **09** tháng **12** năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc mời báo giá dịch vụ:
“Sửa chữa, cải tạo các Khoa Phòng tại Bệnh viện Đa khoa Tân Định”

Kính gửi: Các Đơn vị/ Nhà cung cấp

Bệnh viện Đa khoa Tân Định đang có kế hoạch tổ chức thực hiện mua sắm dịch vụ " Sửa chữa, cải tạo các Khoa Phòng tại Bệnh viện Đa khoa Tân Định ".

Kính mời các đơn vị/ nhà cung cấp gửi Hồ sơ báo giá để Bệnh viện tham khảo làm cơ sở xây dựng dự toán sửa chữa. Nội dung chào giá như sau:

1. Danh mục dịch vụ sửa chữa:

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
PHÒNG MỔ SỐ 4- KHOA NGOẠI			
1	Tháo dỡ hệ thống điện , đèn cũ	HT	1,000
2	Lắp dựng khung sắt vào tường để cố định	m2	58,740
3	Ốp tấm nhựa giả đá xung quanh tường	m2	58,740
4	Cung cấp lắp đặt chỉ trang trí góc tường	md	35,000
5	Lắp đặt đèn led dài 1,2m	bộ	4,000
6	Lắp đặt dây cáp điện đơn 1,5mm2	m	60,000
7	Lắp đặt dây cáp điện đơn 2,5mm2	m	40,000
8	Lắp đặt ổ cắm đôi	bộ	6,000
9	Lắp đặt công tắc 1 hạt	cái	1,000
10	Lắp đặt các automat 1 pha - 10A	cái	3,000
11	Tháo gạch ốp tường cũ	m2	10,000
12	Vận chuyển xà bần xuống đất	công	2,000
13	Vận chuyển xà bần ra khỏi công trình	xe	2,000
14	Sơn nước trần 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	20,250
15	Vệ sinh bàn giao sau thi công	công	2,000
PHÒNG 210A, 210B, 209-KHOA NỘI			
1	Tháo dỡ chậu rửa	bộ	3,000
2	Tháo dỡ bệ xí	bộ	3,000
3	Tháo dỡ chậu tiểu	bộ	3,000
4	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh...)	bộ	3,000
5	Phá dỡ nền gạch	m2	10,440

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
6	Phá dỡ nền - Nền bê tông, không cốt thép	m3	5,220
7	Vận chuyển xà bần bằng gánh	m3	6,368
8	Vận chuyển xà bần ra khỏi công trình trong phạm vi 1000m đầu tiên bằng ô tô - 0,5T	m3	6,368
9	Vận chuyển xà bần ra khỏi công trình trong phạm vi 2000m tiếp theo bằng ô tô - 0,5T	m3	12,737
10	Quét dung dịch chống thấm nền vệ sinh	m2	11,412
11	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 21mm	100m	0,090
12	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 27mm	100m	0,120
13	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 34mm	100m	0,090
14	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 60mm	100m	0,090
15	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 114mm	100m	0,120
16	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 21mm	cái	12,000
17	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 27mm	cái	12,000
18	Lắp đặt Tê nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 27mm	cái	9,000
19	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 34mm	cái	6,000
20	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 60mm	cái	9,000
21	Lắp đặt Tê nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 60mm	cái	3,000
22	Lắp đặt Tê nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 114mm	cái	6,000
23	Lắp đặt nối nhựa ĐK 21mm	cái	6,000
24	Lắp đặt nối nhựa ĐK 27mm	cái	9,000
25	Lắp đặt nối nhựa ĐK 34mm	cái	6,000
26	Lắp đặt nối nhựa ĐK 60mm	cái	6,000
27	Lắp đặt nối nhựa ĐK 114mm	cái	6,000
28	Lắp đặt xí bệt (mới)	bộ	3,000
29	Lắp đặt chậu tiểu nam (cũ)	bộ	3,000
30	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi (cũ)	bộ	3,000
31	Lắp đặt chậu lavabo (cũ)	bộ	3,000
32	Lắp đặt gương soi cũ (cũ)	cái	3,000
33	Lắp đặt kệ kính (cũ)	cái	3,000
34	Lắp đặt giá treo (cũ)	cái	3,000
35	Lắp đặt hộp đựng xà phòng (cũ)	cái	3,000
36	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh (cũ)	cái	3,000
37	Lắp đặt phễu thu nước sàn, ĐK 50mm	cái	3,000
38	Bê tông nền, đá 1x2, vữa bê tông M200	m3	5,220
39	Quét dung dịch chống thấm bề mặt bê tông	m2	10,840
40	Quét nước xi măng chống thấm	m2	10,840
41	Láng nền dày 3cm, vữa XM M100	m2	10,440
42	Lát nền gạch Ceramic kích thước 300x300	m2	10,440
43	Vật tư phụ lắp đặt hệ thống nước	phòng	3,000

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
44	Làm vệ sinh tường, nền phòng vệ sinh bàn giao (Công và dung dịch tẩy rửa)	phòng	3,000
PHÒNG 301-KHO DUỖC CHẨN			
45	Tháo dỡ chậu rửa	bộ	1,000
46	Thao dỡ bệ xí	bộ	1,000
47	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh...)	bộ	1,000
48	Phá vỡ nền gạch	m2	2,250
49	Phá dỡ nền - Nền bê tông, không cốt thép	m3	1,125
50	Vận chuyển xà bần bằng gánh	m3	1,373
51	Vận chuyển xà bần ra khỏi công trình trong phạm vi 1000m đầu tiên bằng ô tô - 0,5T	m3	1,373
52	Vận chuyển xà bần ra khỏi công trình trong phạm vi 2000m đầu tiên bằng ô tô - 0,5T	m3	2,745
53	Quét dung dịch chống thấm nền vệ sinh	m2	2,250
54	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 21mm	100m	0,030
55	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 27mm	100m	0,040
56	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 34mm	100m	0,030
57	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 60mm	100m	0,030
58	Lắp đặt ống nhựa bằng p/p dán keo, ĐK 114mm	100m	0,040
59	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p măng sông ĐK 21mm	cái	4,000
60	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p măng sông ĐK 27mm	cái	4,000
61	Lắp đặt Tê nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK27mm	cái	3,000
62	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 34mm	cái	2,000
63	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 60mm	cái	3,000
64	Lắp đặt Tê nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK 60mm	cái	1,000
65	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p măng sông, ĐK114mm	cái	2,000
66	Lắp đặt nhựa nối ĐK 21mm	cái	2,000
67	Lắp đặt nhựa nối ĐK 27mm	cái	3,000
68	Lắp đặt nhựa nối ĐK 34mm	cái	2,000
69	Lắp đặt nhựa nối ĐK 60mm	cái	2,000
70	Lắp đặt nhựa nối ĐK 114mm	cái	2,000
71	Lắp đặt xí bệt (mới)	bộ	1,000
72	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi (cũ)	bộ	1,000
73	Lắp đặt chậu lavabo (cũ)	bộ	1,000
74	Lắp đặt gương soi (cũ)	cái	1,000
75	Lắp đặt kệ kính (cũ)	cái	1,000
76	Lắp đặt giá treo (cũ)	cái	1,000
77	Lắp đặt hộp đựng xà phòng (cũ)	cái	1,000
78	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh (cũ)	cái	1,000

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
79	Lắp đặt phễu thu nước sàn, ĐK 50mm	cái	1,000
80	Bê tông nền, đá 1x2, vữa bê tông M200	m3	1,125
81	Quét nước xi măng chống thấm	m2	2,250
82	Láng nền dày 3cm, vữa XM M100	m2	2,250
83	Lát nền gạch Ceramic kích thước 300x300	m2	2,250
84	Tháo dỡ gạch ốp tường cũ	m2	9,600
85	Phá vỡ lớp trát tường	m2	9,600
86	Trát tường tạo phẳng ốp gạch, vữa XM M75	m2	9,600
87	Ốp tường vệ sinh bằng gạch Ceramic 250x400	m2	9,600
88	Vật tư phụ lắp đặt hệ thống nước	phòng	1,000
89	Làm vệ sinh tường, nền phòng vệ sinh bàn giao (Công và dung dịch tẩy rửa)	phòng	1,000
PHÒNG 214-KHOA NỘI			
90	Tháo dỡ chậu rửa	bộ	1,000
91	Tháo dỡ bệ xí	bộ	1,000
92	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh...)	bộ	1,000
93	Lắp đặt bệ xí (mới)	bộ	1,000
94	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi (cũ)	bộ	1,000
95	Lắp đặt chậu lavabo (cũ)	bộ	1,000
96	Lắp đặt gương soi (cũ)	cái	1,000
97	Lắp đặt kệ kính (cũ)	cái	1,000
98	Lắp đặt giá treo (cũ)	cái	1,000
99	Lắp đặt hộp đựng xà phòng (cũ)	cái	1,000
100	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh (cũ)	cái	1,000
101	Lắp đặt phễu thu nước sàn, ĐK 50mm	cái	1,000
102	Vật tư phụ lắp đặt hệ thống nước	phòng	1,000
102	Vật tư phụ lắp đặt hệ thống nước	phòng	1,000
NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG TẦNG TRỆT			
103	Phá dỡ nền gạch	m2	1,500
104	Đổ thuốc thông cầu cống	lít	20,000
105	Làm nắp thâm hầm hút hầm	bộ	1,000
106	Hút hầm cầu	m3	5,000
107	Láng nền dày 3cm, vữa XM M100	m2	1,500
108	Lát nền gạch Ceramic kích thước 300x300	m2	1,500
109	Thông cống nghẹt	tb	1,000
110	Làm vệ sinh tường, nền phòng vệ sinh bàn giao (Công và dung dịch tẩy rửa)	bộ	1,000
CƠ SỞ 2			
104	Thay máy tôn tầng 7	m2	150,000
105	Sửa trần thạch cao tầng 7	m2	150,000

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
106	Hút hầm cầu	m3	10,000
103	Chống thấm 2 hồ pit thang máy	m2	22,000
108	Chống thấm cán nền	m2	300,000

2. Hồ sơ báo giá gồm:

- Bảng báo giá đầy đủ danh mục theo yêu cầu, đã bao gồm thuế VAT và toàn bộ chi phí có liên quan để thực hiện gói thầu.
- Hiệu lực báo giá tối thiểu: 90 ngày.
- Thời gian dự kiến thực hiện hợp đồng: 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực .
- Thư giới thiệu nộp Hồ sơ chào giá (có đầy đủ thông tin liên hệ với Đơn vị/Nhà cung cấp).

3. Hình thức nộp:

Gửi thư qua đường bưu điện đến Bệnh viện Đa khoa Tân Định – Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị.

- Địa chỉ: 338 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Tp. HCM
- Số điện thoại: **028.38.206.746** gặp **BS Lộc**;
- Hoặc liên hệ Phòng 304 gặp **CV.Duy Anh**;
- Email: **phongtochucqcq.bvdktd@gmail.com** (Dùng để gửi file Báo giá).

4. Hạn nộp Hồ sơ báo giá: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 11/12/2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Nhà thầu;
- Lưu: VT, TC-HCQT (TDA/3b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Tâm